



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
NĂM 2016

MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| I – Thông tin chung | trang 3 |
| II – Tình hình hoạt động trong năm | trang 10 |
| III – Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc | trang 17 |
| IV – Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty | trang 20 |
| V – Quản trị Công ty | trang 21 |
| VI – Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán | trang 25 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0301776205
- Vốn điều lệ : 90.000.000.000 VNĐ (Chín mươi tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu :
- Địa chỉ : 145-147 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : (84-8) 3825 5389
- Số fax : (84-8) 3940 5331
- Website: www.vinalinklogistics.com
- Mã cổ phiếu (nếu có) : **VNL**

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1998:

- ❖ Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **Vinaconsol**.

Năm 1999:

- ❖ 24/6 : Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN Vinatrans, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: **Vinalink**; vốn điều lệ 8 tỷ VND (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, XNK....
- ❖ 16/7 : Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ , cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy cty bao gồm:
 - Ban Giám đốc.
 - Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
 - Phòng Đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd.
 - Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
 - Phòng Kế toán - Hành chính.
- ❖ 01/9 Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM ngày 31/7.

Năm 2000:

- ❖ 07/3 Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt nam VIFFAS.
- ❖ 05/4 Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam VCCI.
- ❖ 24/6 Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.

Năm 2001:

- ❖ 01/01 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trường Sơn, Q.Tân bình , sau chuyển về 44 Trường sơn Q.Tân bình.
- ❖ 01/9 Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- ❖ Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- ❖ 13/5 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần , vốn điều lệ mới là 24 tỷ VND.

Năm 2003:

- ❖ Tháng 6 Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- ❖ Tháng 10: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines...

Năm 2004:

- ❖ Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương) chính thức hoạt động
- ❖ Tháng 9 Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- ❖ 11/10 Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte.Ltd.
- ❖ Tháng 12, Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

Năm 2005:

- ❖ 01/01 Chi nhánh công ty tại Hà nội chính thức hoạt động tại số 2 Bích cầu, Q.Đống đa. Từ đầu năm 2006 chuyển về tầng 11 cao ốc 14 Láng hạ, Q. Ba đình và hiện nay Văn phòng đang hoạt động tại tầng 6 cao ốc 14 Láng hạ
- ❖ 01/4 Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- ❖ 01/8 Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- ❖ Tháng 8 công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VND.
- ❖ 15/9 Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

Năm 2006

- ❖ Từ 04/9 chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa -Vinalink Express.

- ❖ Tháng 10/2006 Công ty được Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng ISO - giải thưởng dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Năm 2007

- ❖ 24/10/2007 UBND TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIÊN KẾT, tên giao dịch là LCM.CO.LTD- Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế. LCM.Co.Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembuorg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt nam .

Năm 2008

- ❖ Triển khai dịch vụ đường sắt từ Việt Nam đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga,...
- ❖ Tháng 10 : Vinalink được trao Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng – NHNN, Tạp chí Chứng khoán –UBCKNN và 1 số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng.

Năm 2009

- ❖ Ngày 17/08/2009, Chứng khoán của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE) với Mã Chứng khoán **VNL**
- ❖ 01/10/2009 Chi nhánh công ty tại Hải Phòng chính thức hoạt động
- ❖ Ngày 11/10/2009: Vinalink nhận Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2009.
- ❖ Ngày 31/10/2009 Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 10 năm 1999 – 2009

Năm 2010

- ❖ Depot Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/06/2010
- ❖ 17/12/2010 Bộ Thương mại Vương quốc Cambodia đã cấp Giấy phép hoạt động cho VPĐD của cty tại Phnompenh

Năm 2011

- ❖ 06/05/2011 Tham gia thành lập Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai), ngày 11/11/2011 Trung tâm Logistics Kim Thành chính thức khởi công xây dựng dưới sự chứng kiến của Lãnh đạo tỉnh Lào Cai, Bộ Công Thương và Lãnh đạo, doanh nhân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
- ❖ Ngày 16/07 nhân ngày thành lập Công ty, chính thức giới thiệu Hệ thống nhận diện thương hiệu mới, bao gồm:

Logo:



Tên miền: headoffice@vinalinklogistics.com

Trang Web: www.vinalinklogistics.com

- ❖ Cuối năm 2011 theo kết quả đánh giá của Cty cổ phần đánh giá Việt nam Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và TOP 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt nam, TOP 100 doanh nghiệp có chỉ số tín nhiệm cao về mức độ uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng theo quy trình đánh giá nhà cung cấp TQS.

Năm 2012 :

- ❖ Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam) cho phía nước ngoài từ 01/6/2012 .
- ❖ 12/2012 Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong hoạt động kinh doanh các năm 2009-2011.

Năm 2013

Ngày 4/1/2013, **Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)** đã được Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp giấy phép thành lập với nội dung như sau:

- Tên công ty: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**
- Số đăng ký với Bộ Thương mại: Co.3199E/2012, ngày 24/12/2012
- Loại hình công ty: Công ty TNHH Một thành viên
- Vốn đầu tư: USD25,000 (100.000.000 riel)

Năm 2014

Vinalink thay đổi tên mới kể từ ngày 24/5/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/05/2014.

- * Tên công ty trước khi thay đổi : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**
- * Tên công ty sau khi thay đổi : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- * Tên viết tắt : **VINALINK**

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh (dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) :

* Giao nhận vận tải quốc tế : bao gồm dịch vụ vận chuyển đường biển, dịch vụ gom hàng lẻ, dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ hàng cross border với Campuchia (gồm hàng xuất nhập khẩu và hàng quá cảnh).

* Dịch vụ logistics cho hàng xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa trong nước.

* Vận tải nội địa (bằng đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông)

* Dịch vụ Kho và Bãi container

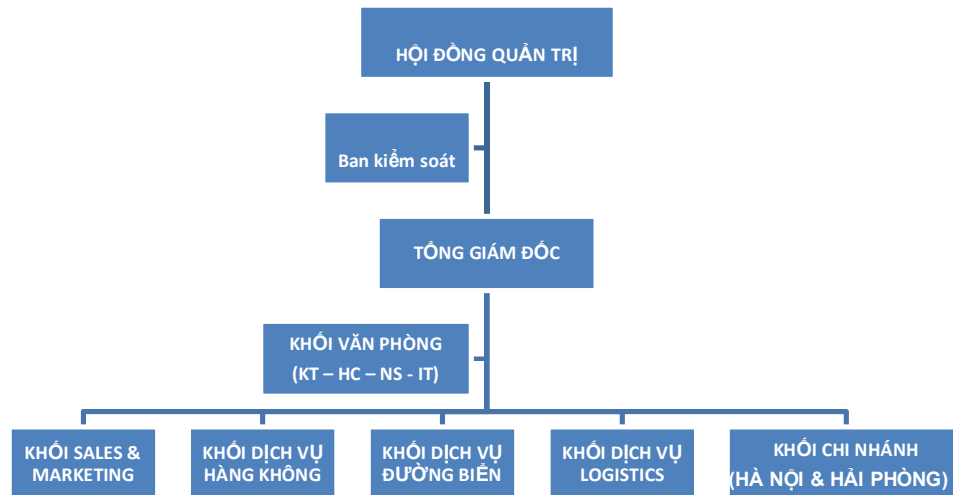
- Địa bàn kinh doanh (các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) : TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

- Ban Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng
- 2 chi nhánh (Hà Nội & Hải Phòng)
- 1 công ty con tại Campuchia
- 4 Khối kinh doanh (Sales & Marketing, Đường Biển, Hàng Không, Logistics)
- Khối Văn phòng

- Cơ cấu bộ máy quản lý



Các chi nhánh và văn phòng kinh doanh

❖ Chi nhánh Công ty :

☐ Hà Nội: **Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink (Vinalink Hà Nội)**

Lầu 6 – Cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

ĐT: (84-4) 3772 4234 – Fax: (84-4) 3772 4235

Email: han@vinalinklogistics.com

☐ Hải Phòng: **Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Hải Phòng**

72 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, Đông Hải 1,

Quận Hải An, Hải Phòng

ĐT: (84-31) 397 9582 – Fax: (84-31) 397 9583

Email: hph@vinalinklogistics.com

❖ Địa điểm kinh doanh

Địa điểm kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải hàng không

44 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT : (84-8) 3848 7252 Fax : (84-8) 3848 7250

Email : sgn-air@vinalinklogistics.com

❖ **VPGD của Công ty :**

- 📍 **Bình Dương:** #01-15, số 2, đường số 3, KCN VSIP, Bình Dương
ĐT: (84-650) 3784 407 – Fax: (84-650) 3784 408
Email: bdg@vinalinklogistics.com
- 📍 **Cần Thơ :** 181 Võ Văn Kiệt, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
ĐT & Fax : (84-710) 3894 581
Email : vnlcantho@vinalinklogistics.com
- 📍 **Cửa khẩu Quốc Tế Hoa Lư :** QL13, Lộc Thạnh, Lộc Ninh, Bình Phước, Việt Nam
- 📍 **Cửa khẩu QT Mộc Bài :** Khu Thương Mại Hiệp Thành, Mộc Bài, Tây Ninh

📍 **Depot Vinalink :**

Số 7 Xa lộ Hà Nội, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
Tel (84-8) 3742 5272 – Fax: (84-8) 3742 5273
Email: depot@vinalinklogistics.com

❖ **Công ty con :** **Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)**

Địa chỉ: Regency, Complex C, Ground Floor,
Unit 10-11C / 168 Samdach Monireth
Boulevard (St. 217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkamon,
Phnom Penh, Kingdom of Cambodia
ĐT: (855) 2396 7979 – Fax: (855) 2399 7139
Email: pnh@vinalinklogistics.com

Các công ty đầu tư - liên kết

| STT | Tên công ty | Vốn đầu tư | Tỷ lệ /VĐL | Ghi chú |
|-----|---|----------------|------------|---------|
| 1 | Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia) | 526,750,000 | 100% | |
| 2 | Cty LD RCL (VN) | 2,130,300,000 | 45% | |
| 3 | Cty LD FC (VN) | 3,680,051,500 | 51% | |
| 4 | Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina) | 4,908,430,302 | 9.15% | |
| 5 | Cty LD LCM (VN) | 1,927,800,000 | 30% | |
| 6 | Cty CP Vinatrans Danang | 4,392,000,000 | 27.89% | |
| 7 | Cty CP Logistics Kim Thành | 19,120,589,000 | 30% | |
| 8 | Cty CP Vận chuyển Vinalink | 2,000,000,000 | 40% | |

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong bối cảnh thị trường giao nhận vận tải & logistics ngày càng phát triển và hội nhập nhanh với thị trường khu vực và thế giới, cạnh tranh ngày càng lớn, tính chuyên nghiệp ngày càng cao; hoạt động của công ty được tổ chức và thực hiện trên cơ sở các kết nối nội bộ, kết nối với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước để đạt mục đích là mang lại thành công cho tất cả.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đại lý nước ngoài, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hàng năm.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ✚ Tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics trọn gói và dự án, phát triển dịch vụ với thị trường Campuchia; dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa.
- ✚ Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.
- ✚ Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực logistics.
- ✚ Nâng cao chất lượng, năng lực và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực.
- ✚ Tăng cường công tác marketing và phát triển thương hiệu,
- ✚ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- ✚ Phát triển dịch vụ tạo việc làm và thu nhập ổn định, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.
- ✚ Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ đều khuyến khích người lao động tích cực có những hoạt động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường : xử lý rác thải đúng quy định, tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước.
- ✚ Đảm bảo tuân thủ các điều kiện vận chuyển và các yêu cầu cấp Giấy phép vận chuyển của Công ty và nhà thầu phụ trong hoạt động kinh doanh vận tải nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn đối với xe và hàng hóa, hạn chế sự cố gây hại cho môi trường.

5. Rủi ro :

Hoạt động kinh doanh dịch vụ Logistics có những rủi ro như :

- Rủi ro từ chính sách, quy định luôn thay đổi nhưng không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.
- Rủi ro từ khách hàng và đại lý trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ được tiến hành trên cơ sở hợp đồng không có thể chấp.
- Chất lượng dịch vụ không ổn định của các bên liên quan dẫn đến không kiểm soát được chất lượng dịch vụ, làm gián đoạn các khâu trong chuỗi logistics, ảnh hưởng đến việc thanh toán hoặc hủy bỏ các hợp đồng dịch vụ.
- Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.
- Hạ tầng giao thông trong nước (đường bộ, đường sắt, đường biển, hàng không) phát triển chưa đồng bộ và chưa bắt kịp với tốc độ tăng trưởng của nhu cầu vận tải hàng hóa, làm tăng chi phí vận chuyển và kéo dài thời gian vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm, môi trường và lợi nhuận của doanh nghiệp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2016:

- Tổng Doanh thu: 699 tỷ VND
- Lãi trước thuế: 33,7 tỷ VND
- Lãi sau thuế: 28,93 tỷ VND.
- Tỷ lệ lãi trước thuế /vốn điều lệ : 37,46%, tỷ lệ lãi sau thuế /vốn điều lệ 32,14%

Số liệu kết quả kinh doanh lãi trước và sau thuế giảm so với năm 2015 do một số yếu tố sau:

- Tiền thuê đất khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành phải trả tăng thêm 1,4 tỷ đồng so với 2015.
- Thực hiện chính sách nộp BHXH theo mức thu nhập thực trả theo Hợp đồng lao động làm tăng chi phí (từ các năm trước công ty trích lập và đóng BHXH theo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước).
- Kết quả kinh doanh của 2 chi nhánh Hà Nội và Hải Phòng giảm trong năm 2016.
- Trong năm thực hiện trích thưởng theo kết quả kinh doanh hạch toán vào phí theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị làm cho chi phí tăng thêm 3 tỷ đồng (các năm trước trích lập khoản này từ lợi nhuận sau thuế).

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL | |
|-----|---------------------|----------------------------------|----------------------|------------|
| | | | 01/01/2016 | 31/12/2016 |
| 1 | Ông Nguyễn Nam Tiến | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 1% | 1% |
| 2 | Ông Đinh Quang Ngọc | UV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc | 0.13% | 0.13% |
| 3 | Bà Nguyễn Anh Nam | Kế toán trưởng Cty | 0.028% | 0.028% |

b) Thay đổi trong Ban Giám đốc :

- Bà Nguyễn Anh Nam, Quyền Kế toán trưởng Công ty được bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty từ 01/07/2016.

c) Tóm tắt lý lịch Ban Giám Đốc

Họ và tên: NGUYỄN NAM TIẾN - **Tổng Giám đốc**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 06/02/1958
Nơi sinh: Nam Định
CMND: 023132098 – cấp ngày 04/08/2005 tại CA TP. HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nam Định
Địa chỉ thường trú: 111 Trần Minh Quyền, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc: (08) 39401 456
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán , Cao cấp chính trị

Quá trình công tác

- + 1980 -1982 là cán bộ giảng dạy tại Đại học Tài chính kế toán (Hà Nội)
- + 1982-1985 thực hiện nghĩa vụ quân sự trong quân đội .

- + 1985-1989 công tác tại Tổng Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) với chức danh Phó phòng Kế toán.
- + 1989 -1999 công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó phòng kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Giám đốc Công ty.
- + 9/1999 đến nay là Giám đốc Công ty Vinalink, từ 4/2008 là Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới (19/4/2008).

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị
- + Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH F.C (Vietnam)
- + Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH LCM (Vietnam)
- + Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng).
- + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành
- + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Vận chuyển Vinalink

Số cổ phần nắm giữ :

89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu :

Không

+ Cá nhân sở hữu :

89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Họ và tên:

ĐINH QUANG NGỌC - Phó Tổng giám đốc

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

29/09/1976

Nơi sinh:

Hải Phòng

CMND:

012295821 – cấp ngày: 27/02/2003, tại CA TP. Hà Nội

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Hà Nội

Địa chỉ thường trú:

10/170 Ngõ 194 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Số ĐT liên lạc:

(04) 37724234

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Đại học Ngoại thương, Cao học Quản trị Kinh doanh (Úc)

Quá trình công tác

- + 1999 – 2005 công tác tại Công ty Vinatrans Hà Nội với chức danh Trưởng phòng Nhập Đường Biển.
- + 2005 - đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Giám đốc chi nhánh Hà Nội.
- + 03/2008 – đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Phó Giám Đốc Công ty (nay là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới).

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành
- + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH FC (Vietnam)
- + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH LCM (Vietnam)

Số cổ phần nắm giữ :

11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu :

Không

+ Cá nhân sở hữu :

11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Họ và tên: **NGUYỄN ANH NAM – Kế toán trưởng**
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 13/05/1978
 Nơi sinh: Nha Trang – Khánh Hòa
 CMND: 225587728 cấp ngày 04/12/2012 tại CA tỉnh Khánh Hòa
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 214/7 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
 Số ĐT Công ty: (84-8) 38255389 Điện thoại di động : 0942367984
 Địa chỉ email : namna@vinalinklogistics.com
 Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Quá trình công tác

+ Từ 01/01/2005 đến 31/12/2011 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Logistics Vinalink.
 + Từ 01/01/2012 đến 31/08/2015 : Phó Trưởng phòng Kế toán – Khối Văn phòng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm xxx) : 2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu : Không

+ Cá nhân sở hữu : 2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành : không thay đổi
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

* Số lượng cán bộ, nhân viên : 370 (TPHCM, Hà Nội, Hải Phòng)

* Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động :

Từ 1/1/2016 thực hiện chính sách nộp BHXH theo mức lương thực trả theo Hợp đồng lao động. Các năm trước công ty trích lập và đóng BHXH theo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn : Công ty không có khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm.
- b) Các công ty con, công ty liên kết :

| STT | Tên công ty | Vốn đầu tư | Tỷ lệ /VĐL | Lợi nhuận cho Vinalink |
|-----|---|----------------|------------|-------------------------------|
| 1 | Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia) | 526,750,000 | 100% | 924,983,902 (# USD 41,698) |
| 2 | Cty LD RCL (VN) | 2,130,300,000 | 45% | 2,256,433,082 |
| 3 | Cty LD FC (VN) | 3,680,051,500 | 51% | 240,112,054 |
| 4 | Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina) | 4,908,430,302 | 9.15% | 977,982,809 |
| 5 | Cty LD LCM (VN) | 1,927,800,000 | 30% | 4,449,699,761 |
| 6 | Cty CP Vinatrans Danang | 4,392,000,000 | 27.89% | 842,365,434 |
| 7 | Cty CP Logistics Kim Thành | 19,120,589,000 | 30% | -423,751,732 |
| 8 | Cty CP Vận chuyển Vinalink | 2,000,000,000 | 40% | 84,296,817 |

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm/ |
|------------------------------------|----------|----------|--------------|
| Tổng giá trị tài sản | 338,874 | 334,433 | 98.69% |
| Doanh thu thuần | 747,268 | 708,789 | 94.85% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ | 44,299 | 28,373 | 64.05% |
| Lợi nhuận khác | 24 | -98 | -408.33% |
| Lợi nhuận trước thuế | 44,323 | 28,275 | 63.79% |
| Lợi nhuận sau thuế | 36,636 | 23,314 | 63.64% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 49% | 57% | 8% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 3.08 | 3.3 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 3.08 | 3.3 | |
| <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 43.93% | 43.01% | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 78.36% | 75.48% | |

| | | | |
|---|--------|--------|--|
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho : | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2.21 | 2.12 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 4.90% | 3.29% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 19.28% | 12.23% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 10.81% | 6.97% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 3.80% | 2.81% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang niêm yết : 9.000.000 cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 9.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 9.000.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông :

Số liệu theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/10/2016

Cổ đông trong nước

Tổng số : 428 cổ đông, sở hữu 89.43% cổ phần VNL

- Cá nhân (CN): 419, sở hữu 73.15 % cổ phần VNL

- Tổ chức (TC) : 09, sở hữu 16.27% cổ phần VNL

| STT | Danh mục | Cổ phiếu nắm giữ | |
|-----|-------------------------------------|---------------------|---------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ |
| 1 | Cổ đông sở hữu trên 5% CP (1) | 505,540 CP | 5.62% |
| 2 | Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP : 13 | 3,004,080 CP | 33.37% |
| 3 | Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (445) | 4,538,760 CP | 50.43% |
| | Tổng cộng | 8,048,380 CP | 89.42% |

Cổ đông ngoài nước

Tổng số : 22 sở hữu 10.57% cổ phần VNL

- Cá nhân : 16, sở hữu 3.21% cổ phần VNL

- Tổ chức : 6, sở hữu 7.36% cổ phần VNL

| STT | Danh mục | Cổ phiếu nắm giữ | |
|-----|------------------------------------|-------------------|---------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ |
| 1 | Cổ đông sở hữu trên 5% CP (0) | 0 | 0% |
| 2 | Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (4) | 827,930 CP | 9.20 % |
| 3 | Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (18) | 123,690 CP | 13.74 % |
| | Tổng cộng | 951,620 CP | 10.57% |

Thông tin về cổ đông nắm giữ trên 5% VĐL:

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số CP sở hữu | Tỷ lệ |
|-----|-------------------|-------------------------|--------------|-------|
| 1 | Cty VNT Logistics | 2 Bích Câu, Đống Đa, HN | 505,540 CP | 5.62% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : *không phát sinh*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *không phát sinh*

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm : *không phát sinh.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty kinh doanh dịch vụ, không sản xuất nên không sử dụng nguyên vật liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

* Điện :

- Văn phòng : 312.000 KW

- Dịch vụ Kho - Bãi : 58.000 KW

b) Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng áp dụng cho năm 2017 :

- Chỉ sử dụng đèn thấp sáng tại khu vực đang làm việc. Luôn đóng kín các cửa ra vào, cửa sổ để tránh thoát nhiệt.

- Trước khi ra về, nhân viên phải tắt các thiết bị sử dụng điện : máy tính, đèn chiếu sáng, máy điều hòa nhiệt độ...

- Với những thiết bị điện tử, văn phòng: lưu ý chọn mua các thiết bị văn phòng như máy tính, photocopy, máy in... có hiệu suất năng lượng cao. Định kỳ thay thế, bảo dưỡng và làm vệ sinh các thiết bị văn phòng. Lựa chọn vật liệu áp dụng công nghệ cách nhiệt mới khi thay thế trần và tường cách nhiệt trong văn phòng.

- Thường xuyên nhắc nhở CB-NV đưa ra những sáng kiến, cải cách để tiết kiệm năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :

Nguồn cung cấp nước : Công ty cấp nước Sài Gòn

- Văn phòng : 4.000 m³

- Dịch vụ Kho - Bãi : 5.500 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : 0%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Công ty đề ra một số giải pháp để việc bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn :

- Tiết kiệm giấy, hạn chế in nếu không cần, tận dụng giấy hai mặt cho các tài liệu lưu nội bộ.
- Phân loại rác thải trước khi chuyển ra đơn vị thu gom rác của địa phương.
- Nước thải tập trung vào hệ thống thoát nước thành phố.
- Định kỳ kiểm tra kỹ thuật máy móc thiết bị, máy lạnh, các thiết bị điện, thường xuyên vệ sinh văn phòng, kho bãi và phương tiện vận chuyển.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân kho.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên.
- Tuyên truyền, phổ biến và nhắc nhở CB-NV về ý thức tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp.

Trong năm 2016 Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lao động : 370 người (trụ sở chính và các chi nhánh)

Mức lương tối thiểu : 3.500.000 đ / tháng

Mức lương trung bình : 10.000.000 đ / tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Các chính sách lao động áp dụng cho người lao động của Công ty :

- Thực hiện chế độ, chính sách với NLĐ theo đúng quy định của pháp luật (Hợp đồng lao động, chế độ BHXH-BHYT-BHTN).

- Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ đơn vị, bảo vệ bí mật kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và Công An trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn.

- Định kỳ thực hiện đối thoại giữa Người sử dụng lao động và Người lao động thông qua Công đoàn để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và ý kiến đóng góp của NLĐ, qua đó điều chỉnh chính sách lao động phù hợp để NLĐ yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.

- Chăm sóc sức khỏe : hàng năm tổ chức khám sức khỏe tổng quát và làm một số xét nghiệm chuyên khoa bổ sung cho NLĐ nam và nữ.

- Đảm bảo an toàn : cung cấp trang phục và phương tiện bảo hộ lao động theo tính chất công việc. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các buổi tập huấn các quy định về an toàn vệ sinh lao động. Định kỳ tự kiểm tra, nhắc nhở CBNV thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại các phòng ban.

- Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho NLĐ.

- Chi phí đồng phục, nghỉ mát hàng năm.

- Chăm lo cho con CBNV vào các dịp Ngày Thiếu Nhi 1/6, Tết Trung Thu, phần thưởng cho học sinh giỏi vào cuối năm học, Quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh, Ngày Hội Gia đình VN 28/6.

- Các hoạt động chào mừng ngày phụ nữ 8/3, 20/10.

- Tích cực tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các phong trào Hội thi văn nghệ, Hội thao do Công đoàn Khối TMTW và Hiệp Hội Logistics tổ chức.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty khuyến khích nhân viên làm chủ việc học tập để làm việc tốt hơn, nâng cao năng lực bản thân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Nhân viên có thể tìm thấy những cơ hội học tập đa dạng tại Vinalink để nâng cao năng lực bản thân và phát triển nghề nghiệp :

- Học nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng ngay trong công việc
- Huấn luyện, chỉ dẫn, tư vấn từ cấp trên;
- Tham gia vào những dự án
- Tham khảo ý kiến từ những chuyên gia;
- Tham gia các nhóm làm việc
- Học hỏi từ đồng nghiệp.
- Các cơ hội học tập và phát triển kỹ năng khác : Hoán chuyển công việc; thăm đại lý nước ngoài, khảo sát thị trường, thăm khách hàng; các khoá học theo chủ đề, hội thảo, hội nghị; các chương trình đào tạo chính quy...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Từ khi thành lập đến nay, đội ngũ CBNV Công ty Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia những hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm xã hội và cộng đồng của Doanh Nghiệp.

Trong năm 2016, Ban giám đốc và CBNV công ty tích cực hưởng ứng và đóng góp vào các hoạt động xã hội từ thiện :

- Đóng góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt (22.000.000 đ)
- Đóng góp cho Quỹ xã hội từ thiện của Công đoàn Khối Doanh nghiệp TM TW tại TPHCM. (18.000.000 đ)
- Đóng góp ủng hộ Quỹ “Vi Biển đảo quê hương”
- Đóng góp “Quỹ phòng chống thiên tai” 18.000.000 đ
- Tham gia Hiến máu nhân đạo với Hội Chữ thập đỏ TPHCM
- Thăm và ủng hộ trung tâm nuôi dưỡng người già, trẻ em mồ côi, tàn tật (Trung tâm Điều dưỡng Tâm thần Tân Định) 50.000.000 đ
- Đóng góp cho quỹ vì người nghèo của địa phương (chăm lo hộ nghèo và diện chính sách ăn Tết, phần thưởng & học bổng cho học sinh giỏi –ngoan-nghèo của Phường) 15.000.000 đ/năm.
- Đóng góp cho gia đình của một nhân viên Công ty qua đời vì tai nạn giao thông : 130.000.000 đ

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2016 có một số điểm nổi bật như sau:

a) Tình hình chung :

Năm 2016 tình hình kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục khó khăn ... tác động làm cho thị trường giao nhận vận tải tiếp tục trầm lắng, nhiều mảng dịch vụ suy giảm. Các quy định mới của Nhà nước trong lĩnh vực vận tải, hải quan ..., biến động giá cả thị trường nhất là giá nhiên liệu có tác động nhiều chiều với hoạt động giao nhận vận tải, nhất là vận tải container bằng ô tô. Các dịch vụ vận tải quốc tế giảm và mức lãi gộp trên đơn vị dịch vụ giảm nhanh.

Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 do ĐHĐCĐ thường niên thông qua, trong năm công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, duy trì ổn định các sản phẩm dịch vụ gom hàng đường biển trong tình hình cạnh tranh gay gắt, kết hợp dịch vụ gom hàng xuất với gom hàng nhập trong quan hệ với đại lý. Tiếp tục tập trung phát triển thị trường khu vực Đông Á với nhiều đại lý và sản phẩm khách hàng mới có kết quả tích cực, phát triển các dịch vụ hàng quá cảnh và dịch vụ trực tiếp tại thị trường Campuchia, Lào; riêng với thị trường Campuchia sản lượng dịch vụ tăng nhanh với việc có thêm nhiều đại lý và khách hàng mới từ Campuchia, Việt Nam và một số nước khác. Trong nước công ty đã tập trung củng cố các dịch vụ kho, xe vận tải ... khai thác có hiệu quả với hầu hết công suất hiện có. Hoạt động bán dịch vụ của Khối Sales & Marketing, dịch vụ Logistics, phát triển khá tốt về kết quả kinh doanh cũng như phạm vi dịch vụ và khách hàng. Hoạt động của Cty Vinalink Logistics Cambodia ổn định .

Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm được tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ. Tiếp tục mở rộng đối tượng khoán thu nhập theo kết quả kinh doanh góp phần thúc đẩy hiệu quả công việc, ổn định đội ngũ nhân sự. Triển khai quản lý an ninh CTPAT theo tiêu chuẩn của Hải quan Mỹ; xây dựng trang web mới.

b) Kết quả kinh doanh :

Số liệu lãi trước và sau thuế giảm so với năm 2015 do một số yếu tố sau:

- Tiền thuê đất khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành tăng thêm 1,4 tỷ đồng so với 2015.

- Thực hiện chính sách nộp BHXH theo mức thu nhập thực trả theo HĐLĐ làm tăng chi phí (từ các năm trước công ty trích lập và đóng BHXH theo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước).
 - Kết quả kinh doanh của 2 Chi nhánh Hà Nội và Hải Phòng giảm trong năm 2016.
 - Trong năm thực hiện trích thưởng theo kết quả kinh doanh hạch toán vào phí theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT làm cho chi phí tăng thêm 3 tỷ (các năm trước trích lập khoản này từ lợi nhuận sau thuế).
 - Kết quả kinh doanh năm 2016 so với năm trước của các công ty liên doanh với nước ngoài, các công ty cổ phần có vốn của công ty (trừ RCL) đều giảm so với năm trước phản ánh thực tế tình hình thị trường năm 2016.
- Nếu loại trừ các yếu tố phát sinh mới thì kết quả kinh doanh năm 2016 không giảm so với năm trước .

Một số hạn chế:

- + Nguồn khách hàng sử dụng dịch vụ chưa ổn định vững chắc, phần chủ động còn bị hạn chế - nhất là trong lĩnh vực dịch vụ vận tải quốc tế. Hệ thống đại lý chưa mạnh ở một số thị trường nên giá cả dịch vụ cao ảnh hưởng tới tính cạnh tranh, việc khai thác nguồn lực từ các đại lý còn hạn chế.
- + Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh sales và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế, gặp khó khăn trong ổn định nhân sự.
- + Cơ sở vật chất: hệ thống phần mềm nghiệp vụ chưa đáp ứng được các yêu cầu dịch vụ mang tính chuyên nghiệp cao, thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng, dịch vụ chủ yếu của công ty trong tương lai. Phần lớn các phương tiện làm việc, vận chuyển đều đã cũ, chi phí sửa chữa bảo dưỡng cao, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cũng như hình ảnh công ty.

c) Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ 17 (2016):

Kết quả thực hiện các nội dung chủ yếu của Nghị quyết như sau:

- a) Về hoạt động kinh doanh: như báo cáo phần trên đã nêu. Đã thực hiện việc chi cổ tức năm 2016 là 1500 đồng/cổ phần.
- b) Tiếp tục hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các Khối dịch vụ, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ ở từng Khối, thống nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ.
- c) Một số khoản đầu tư và tạm ứng như: Dự án Kho bãi tại KCN Phú An Thạnh (Long An), Cái Mép chưa thực hiện được việc chuyển nhượng, hợp tác, thoái vốn, thu hồi do thị trường chưa thuận lợi, đất Nhơn Trạch đang hoàn tất việc thực hiện chuyển nhượng cho đối tác.
- d) Việc chuẩn bị đầu tư văn phòng, kho bãi mới thay thế cơ sở hiện tại vẫn đang xem xét tìm kiếm cơ hội phù hợp. Hiện tại trong vài năm tới nhu cầu này chưa thật cấp bách.
- e) Đã thực hiện việc đầu tư mua mới 2 đầu kéo Hyundai, 4 semi-romooc cho vận chuyển container, 1 xe 7 chỗ.
- f) Thay đổi phương thức khuyến khích CBNV thông qua việc trích lập Quỹ Khen thưởng – Phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế sang việc quyết định mức chi cho việc khuyến khích hoàn thành tốt công việc hàng năm gắn với kết quả kinh doanh (không bao gồm thu từ lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết) tính vào chi phí kinh doanh

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tài sản trong năm không có biến động lớn, hầu hết tài sản đang được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả cao giúp đảm bảo chất lượng dịch vụ cơ bản của công ty .

Các khoản nợ phải thu hầu hết là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận trong sự kiểm soát của Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả chủ yếu là các khoản phát sinh trong thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Tiếp tục hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các Khối dịch vụ, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ ở từng Khối, thống nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ.
- Thay đổi phương thức khuyến khích CBNV thông qua việc trích lập Quỹ Khen thưởng – Phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế sang việc quyết định mức chi cho việc khuyến khích hoàn thành tốt công việc hàng năm gắn với kết quả kinh doanh (không bao gồm thu từ lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết) tính vào chi phí kinh doanh.
- Thực hiện chính sách nộp BHXH theo mức thu nhập trả theo HĐLĐ làm tăng chi phí trên 3 tỷ đồng (từ các năm trước công ty trích lập và đóng BHXH theo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Về kinh doanh và đầu tư :

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu trong những năm sắp tới chưa có các yếu tố ổn định, diễn biến phức tạp, các khoản chi phí đầu vào có xu hướng tăng và không dự tính trước được, khó khăn từ tình hình kinh tế thế giới ... sẽ tiếp tục là những bài toán khó cho các nhà kinh doanh – sản xuất. Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.

Mục tiêu và nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu của năm 2017 :

- Phân đầu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ khai thác các nguồn thu có thể, cố gắng đảm bảo kết quả kinh doanh trực tiếp (bao gồm cả thu từ sử dụng vốn ngắn hạn) có mức tăng 7% -10% so với năm 2016;
- Ổn định các mảng Hàng Không, hàng nhập, hàng xuất đường biển, tập trung phát triển dịch vụ Logistics (kể cả dịch vụ nội địa và tại thị trường Campuchia, Lào); chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối, chi nhánh; tìm kiếm và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa kinh doanh bảo đảm nguồn thu ổn định.

Chỉ tiêu chủ yếu :

| | |
|--------------------|---------------------|
| - Tổng Doanh thu : | 700 tỷ VND |
| - Lãi trước thuế : | 32 tỷ VND |
| - Cổ tức : | 1.500 đồng/ cổ phần |

Một số biện pháp chung:

- Tập trung ổn định sản phẩm dịch vụ, phát triển hệ thống đại lý và tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2017.
- Tăng cường hơn cho công tác marketing
- Phát triển mạng lưới thông qua mở thêm văn phòng tại các khu vực trọng điểm còn thiếu đại diện (miền Trung).
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- Tiếp tục hoàn thiện tiếp việc xây dựng hệ thống nhận diện và thương hiệu công ty .

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty kiểm toán đồng ý toàn bộ với Báo cáo Tài chính năm 2016 của Vinalink.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).*

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Các giải pháp đã triển khai cho toàn thể CBNV thực hiện giúp xây dựng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

cho CBNV, tiết kiệm chi phí điện – nước, đảm bảo an toàn lao động, tạo ra môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn, đóng góp hiệu quả vào hoạt động bảo vệ môi trường chung.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Việc quản trị nguồn nhân lực của Công ty có một số đặc điểm sau :

- Chất lượng đội ngũ nhân lực : trong những năm gần đây các trường Đại học, Cao đẳng đầu tư hơn về chương trình học, gắn với thực tế đối với các chuyên ngành xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, Logistics và vận tải đa phương thức, do vậy có thể đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có kiến thức căn bản về chuyên ngành cho các doanh nghiệp. Về ngoại ngữ, đội ngũ nhân lực trẻ ngày càng có trình độ tiếng Anh tốt, có thể xử lý các yêu cầu trong giao dịch với đối tác nước ngoài.
- Thách thức trong quản trị nhân sự :

Kể từ năm 2014, khi Việt Nam thực hiện cam kết mở cửa thị trường dịch vụ logistics sau khi gia nhập WTO thì số lượng các công ty nước ngoài trong lĩnh vực này mở ra tại Việt Nam ngày càng nhiều, thu hút nhiều nhân lực có trình độ và kinh nghiệm từ các công ty Việt Nam bằng cách nâng mức lương lên cao hơn nhiều. Đội ngũ CBNV hầu hết khá năng động, tự tin, có mong đợi cao và cụ thể về sự phát triển trong nghề nghiệp như thăng tiến, lương và phúc lợi, môi trường làm việc thân thiện và thoải mái. Họ thường xuyên tìm kiếm những cơ hội việc làm có thu nhập tốt hơn, sẵn sàng nhảy việc khi có cơ hội.

Vinalink phải đối mặt với khó khăn và thách thức trong quản lý nhân sự, nhiều vị trí có kinh nghiệm 3-5 năm xin nghỉ để chuyển sang làm việc cho các công ty nước ngoài, đội ngũ quản lý khá vất vả trong việc đảm bảo chất lượng dịch vụ với đội ngũ nhân viên mới tuyển và chưa có đủ kinh nghiệm. Trong tình hình kinh doanh hiện tại, Công ty chưa thể tăng mức lương lên cao theo kịp mức của các công ty nước ngoài.

Để đảm bảo tạo môi trường làm việc thuận lợi, tăng cường tinh gắn kết cho nhân viên công ty, Ban Giám đốc luôn theo dõi tình hình nhân sự, chính sách lương và phúc lợi linh hoạt cho nhân viên, khen thưởng kịp thời, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội học hỏi, phát triển, cân bằng giữa công việc – gia đình, tăng cường tinh thần đồng đội và sự gắn kết của nhân viên thông qua các hoạt động tập thể, các buổi dã ngoại, tham gia các hoạt động giao lưu văn nghệ - thể thao của Công ty, Công đoàn Khối Bộ Công Thương và Hiệp hội Logistics VLA.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương và tham gia các chương trình từ thiện xã hội là truyền thống của Vinalink từ khi thành lập đến nay. Ban Giám đốc, Công đoàn Công ty và đội ngũ CBNV Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia.

Thông qua các hoạt động này, toàn thể CBCNV Công ty mong muốn gìn giữ và phát triển tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, “lá lành đùm lá rách”, là một nét đẹp trong văn hóa sống và kinh doanh không thể thiếu của người Việt. Việc tham gia các hoạt động từ thiện thiết thực và ý nghĩa, không chỉ mang lại niềm vui cho đồng bào nghèo, khó khăn mà còn mang lại sự tự hào và gắn kết của đội ngũ nhân viên toàn Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành các nhiệm vụ kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Trong năm 2016, ngoài các phiên họp chính thức, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2016 trong điều kiện tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, biến động phức tạp, phát sinh nhiều yếu tố mới ảnh hưởng tăng chi phí, giảm doanh thu nhưng Công ty đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ, đảm bảo tình hình và kết quả kinh doanh ổn định.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016 và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

- Đã thực hiện tốt công tác quản trị và chế độ báo cáo thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, là một trong số 118 doanh nghiệp niêm yết, tương ứng 18.47% đơn vị trên thị trường chứng khoán, đáp ứng các quy định về công bố thông tin trong năm 2016, được bình chọn là doanh nghiệp niêm yết tuân thủ đúng và đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2016 bởi Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt nam.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Định hướng kinh doanh : khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

- Nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2014-2019): 5 người.

Trong đó : Thành viên độc lập: 03 người ; Thành viên kiêm nhiệm: 02 người .

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỉ lệ sở hữu cổ phần | Thành viên HĐQT các Công ty khác |
|-----|----------------------|--------------------------------|----------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Nam Tiến | Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc | 1% | Phó Chủ tịch HĐTV – FC VN Phó Chủ tịch HĐTV – LCM Ủy viên HĐQT – Vinatrans Đà Nẵng Chủ tịch HĐQT – Kim Thành Logistics |
| 2 | Ông Vũ Thế Đức | Phó CT HĐQT | 4.20% | Chủ tịch HĐQT – Cty Vinatrans Ủy viên HĐQT – Vinafreight Ủy viên HĐQT – VNT Logistics Phó Chủ tịch HĐTV – RCL Vietnam Chủ tịch HĐTV – Konoike Vina |
| 3 | Ông Đinh Quang Ngọc | Thành viên HĐQT | 0.13% | Ủy viên HĐQT – Kim Thành Logistics Thành viên HĐTV – Công ty LCM Thành viên HĐTV – FC Việt Nam |
| 4 | Ông Trương Minh Long | Thành viên HĐQT | 1.12% | Tổng Giám đốc -Vinatrans Ủy viên HĐQT – Vinatrans Đà Nẵng Thành viên HĐTV -Sojitz Logistics VN Thành viên HĐTV – Vietway Co., Ltd |
| 5 | Bà Trần Thị Bình | Thành viên HĐQT | 0.62% | |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT mà phân công các thành viên phụ trách các mảng công việc về Đầu tư – Phát triển, Tổ chức- Nhân sự và Lương - Thưởng.

* Mảng công việc Đầu tư – Phát triển : Ông Nguyễn Nam Tiến - Chủ tịch HĐQT phụ trách

* Mảng công việc Tổ chức–Nhân sự: Ông Vũ Thế Đức – Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách

* Mảng công việc Lương – Thưởng : Ông Trương Minh Long, thành viên HĐQT độc lập phụ trách

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT và TGD được quy định tại Điều lệ Công ty Vinalink, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát TGD theo nội dung như sau:

- Phối hợp BGD Cty tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2015 để có cơ sở xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2016.
- HĐQT đã tập trung chỉ đạo, triển khai các kế hoạch theo nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, đồng thời giám sát thường xuyên và hỗ trợ kịp thời cho Ban Giám đốc.
- Tại các cuộc họp, TGD báo cáo với HĐQT việc thực hiện các nghị quyết và các nhiệm vụ mà HĐQT đã ủy quyền.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: TGD tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|---|
| 1 | 6960/2016/QĐ/VNL-HĐQT | 26/09/2016 | Thanh toán cổ tức đợt 1/ 2016 cho cổ cổ đông, ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và ngày thanh toán. |
| 2 | 6413/2016/QĐ/VNL-HĐQT | 01/09/2016 | Cử Ông Vũ Thế Đức (Phó Chủ tịch HĐQT) là người đại diện vốn của Cty CP Logisitcs Vinalink tại Công ty TNHH Vận tải Việt-Nhật (Konoike Vina) thay cho Ông Dương Việt Hà. |
| 3 | 4542/2016/QĐ/VNL-HĐQT | 01/07/2016 | Bổ nhiệm Bà Nguyễn Anh Nam, Quyền Kế toán trưởng Công ty giữ chức Kế toán trưởng Công ty. |
| 4 | 4541/2016/QĐ/VNL-HĐQT | 30/06/2016 | Thông nhất v/v tăng thêm vốn góp vào Công ty CP Logistics Kim Thành, số tiền vốn góp tăng thêm là 900 triệu đồng. |
| 5 | 4540/2016/QĐ/VNL-HĐQT | 30/06/2016 | Thanh toán cổ tức đợt 3/ 2015 cho cổ cổ đông, ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông và ngày thanh toán. |
| 6 | 3209/2016/NQ/VNL-HĐQT | 16/05/2016 | Quyết định chọn Công ty TNHH Kiểm toán DTL (RSM VN) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016. |
| 7 | 2699/2016/QĐ/VNL-HĐQT | 25/04/2016 | HĐQT giao kế hoạch kinh doanh năm 2016 cho Công ty. |
| 8 | 1363/2016/NQ/VNL-HĐQT | 04/03/2016 | <ol style="list-style-type: none"> 1) Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông năm 2016 2) Chi cổ tức đợt 2/2015 (tỉ lệ chi, ngày chi) 3) Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT mà phân công các thành viên phụ trách các mảng công việc về Đầu tư – Phát triển, Tổ chức- Nhân sự và Lương - Thưởng. Thành viên HĐQT có ý kiến về các vấn đề của Công ty về các vấn đề cần thiết qua emails hoặc tại các cuộc họp của HĐQT.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty trong năm 2016 tại cơ sở đào tạo do UBCKNN quy định theo quy định về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS (nhiệm kỳ 2014-2019): 3 người.

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Tỉ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|-----------------------|------------|----------------------|
| 1 | Bà Vũ Thị Bình Nguyên | Trưởng BKS | 0.28% |
| 2 | Bà Phan Phương Tuyền | TV BKS | 0.05% |
| 3 | Bà Trang Anh Xuân | TV BKS | 0.94% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát :

* Trong năm 2016 Ban Kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp.

* Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã thực hiện báo cáo kiểm soát hàng quý theo đúng quy định của Điều lệ Công Ty, đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh trong quý, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị họp hàng quý.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán, báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2016.

* Đánh giá chung của Ban Kiểm soát :

- Về công tác lập Báo cáo tài chính và tổ chức hạch toán kế toán :

Báo cáo tài chính của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông một cách kịp thời theo các quy định hiện hành.

Tổ chức hạch toán kế toán: Công ty đã thực hiện việc hạch toán và mở sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.

* Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý :

- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty. Trước những khó khăn chung của ngành vận tải, tình hình cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực nhưng Công ty vẫn giữ vững và ổn định các nhân sự chủ chốt, vẫn hoạt động kinh doanh có lãi, đó là nhờ sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV trong công ty.

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty

- HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Mức thù lao và quỹ HĐQT & BKS năm 2016 là 2% lợi nhuận sau thuế được phân phối. Cụ thể như sau :

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thù lao (đồng / tháng) |
|-----|-----------------------|-------------------|------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Nam Tiến | Chủ tịch HĐQT | 5.000.000 |
| 2 | Ông Vũ Thế Đức | Phó Chủ tịch HĐQT | 4.000.000 |
| 3 | Ông Đinh Quang Ngọc | Thành viên HĐQT | 3.000.000 |
| 4 | Bà Trần Thị Bình | Thành viên HĐQT | 3.000.000 |
| 5 | Ông Trương Minh Long | Thành viên HĐQT | 3.000.000 |
| 6 | Bà Vũ Thị Bình Nguyên | Trưởng BKS | 3.000.000 |
| 7 | Bà Phan Phương Tuyền | Thành viên BKS | 1.000.000 |
| 6 | Bà Trang Anh Xuân | Thành viên BKS | 1.000.000 |

Lương Ban Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tiền lương (đồng / tháng) |
|-----|---------------------|----------------|---------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Nam Tiến | Tổng Giám đốc | 56.000.000 |
| 2 | Ông Đinh Quang Ngọc | Phó Tổng GĐ | 45.500.000 |
| 3 | Bà Nguyễn Anh Nam | Kế toán trưởng | 28.000.000 |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Logistics Vinalink vào ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán :

Báo cáo tài chính năm (hợp nhất) đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



(Handwritten signature)

Nguyễn Nam Tiến

**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 10 - 34 |

30/11/2023
C
M
RSM
/

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức danh</u> |
|----------------------|------------------|
| Ông Nguyễn Nam Tiến | Chủ tịch |
| Ông Vũ Thế Đức | Phó Chủ tịch |
| Bà Trần Thị Bình | Thành viên |
| Ông Đinh Quang Ngọc | Thành viên |
| Ông Trương Minh Long | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức danh</u> |
|-----------------------|------------------|
| Bà Vũ Thị Bình Nguyên | Trưởng ban |
| Bà Trang Anh Xuân | Thành viên |
| Bà Phan Phương Tuyền | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức danh</u> |
|---------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Nam Tiến | Tổng Giám đốc |
| Ông Đinh Quang Ngọc | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Số: 17.120HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017



Huỳnh Thị Ngọc Trinh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Tại ngày 31/12/2016 | Tại ngày 01/01/2016 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 247.581.223.775 | 252.053.682.487 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | (5.1) | 129.341.256.404 | 133.330.165.061 |
| 1. Tiền | 111 | | 68.206.733.729 | 61.196.421.509 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 61.134.522.675 | 72.133.743.552 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 117.981.402.113 | 118.710.637.472 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | (5.2) | 115.955.922.927 | 111.535.621.609 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 922.292.389 | 1.311.727.432 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | | 900.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | (5.4) | 3.218.610.481 | 7.078.712.115 |
| 5. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (5.5) | (2.115.423.684) | (2.115.423.684) |
| III. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 258.565.258 | 12.879.954 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 258.565.258 | 12.879.954 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 86.852.151.791 | 86.820.259.844 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 16.634.086.166 | 16.450.685.234 |
| 1. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | (5.3) | 7.973.352.207 | 7.973.352.207 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | (5.4) | 8.660.733.959 | 8.477.333.027 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 11.925.284.526 | 10.480.952.208 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | (5.6) | 11.925.284.526 | 10.480.952.208 |
| + Nguyên giá | 222 | | 40.054.972.825 | 35.417.941.814 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (28.129.688.299) | (24.936.989.606) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | (5.7) | 57.306.539.431 | 59.888.622.402 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 56.580.389.431 | 59.162.472.402 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 253 | | 726.150.000 | 726.150.000 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 986.241.668 | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 986.241.668 | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 334.433.375.566 | 338.873.942.331 |

(Xem trang tiếp sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Tại ngày 31/12/2016 | Tại ngày 01/01/2016 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 143.852.294.443 | 148.876.775.410 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 75.123.927.443 | 81.929.908.410 |
| 1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn | 311 | (5.8) | 48.326.336.054 | 44.330.586.914 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.298.011.516 | 3.324.309.124 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | (5.9) | 2.928.612.522 | 10.776.037.133 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | (5.10) | 7.659.158.871 | 11.586.354.846 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | (5.11) | 4.057.775.354 | 4.307.798.566 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | (5.12) | 5.441.950.772 | 4.186.380.400 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | (5.13) | 5.412.082.354 | 3.418.441.427 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 68.728.367.000 | 66.946.867.000 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | (5.14) | 29.500.000.000 | 34.000.000.000 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | (5.12) | 39.228.367.000 | 32.946.867.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 190.581.081.123 | 189.997.166.921 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | (5.15.1) | 190.581.081.123 | 189.997.166.921 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 90.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 90.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 5.059.590.857 | 4.955.270.400 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 8.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 62.323.864 | 43.804.284 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 441.269.535 | 395.049.778 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | (5.15.4) | 87.017.896.867 | 87.603.042.459 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 70.004.113.129 | 50.967.510.152 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 17.013.783.738 | 36.635.532.307 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 334.433.375.566 | 338.873.942.331 |



Nguyễn Nam Tiến
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 708.789.179.412 | 747.267.986.102 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | (6.1) | 708.789.179.412 | 747.267.986.102 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | (6.2) | 677.826.192.303 | 712.663.693.630 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 30.962.987.109 | 34.604.292.472 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | (6.3) | 9.139.035.625 | 16.628.711.408 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | (6.4) | 5.297.567.062 | 8.396.816.171 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết | 24 | (6.5) | 8.427.138.225 | 15.892.236.339 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | (6.6) | 14.858.937.998 | 14.429.749.244 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 28.372.655.899 | 44.298.674.804 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | | 187.727.272 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 97.537.005 | 163.601.069 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (97.537.005) | 24.126.203 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 28.275.118.894 | 44.322.801.007 |
| 16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | (6.7) | 4.961.335.156 | 7.687.268.700 |
| 16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 23.313.783.738 | 36.635.532.307 |
| 17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số | 61 | | | |
| 17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 62 | | 23.313.783.738 | 36.635.532.307 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ | 70 | (5.15.3) | 2.590 | 3.613 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty mẹ | 70 | (5.15.3) | 2.590 | 3.613 |



Nguyễn Nam Tiến
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 28.275.118.894 | 44.322.801.006 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao TSCĐ | 02 | (5.6) | 3.192.698.693 | 3.172.373.598 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | | 321.126.722 |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (2.048.503.019) | (1.219.088.936) |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (11.867.560.627) | (22.033.270.832) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 17.551.753.941 | 24.563.941.558 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 4.557.874.146 | (21.066.334.096) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (11.763.182.759) | 10.276.727.384 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (1.231.926.972) | 237.039.186 |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (5.9) | (7.801.445.632) | (13.773.631.684) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (2.161.869.073) | (1.589.900.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (848.796.349) | (1.352.157.652) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (5.6) | (4.620.369.089) | (4.341.550.084) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | 186.363.636 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | | (30.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 900.000.000 | 30.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (900.000.000) | (2.000.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | 1.220.940.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 17.995.164.378 | 16.472.085.561 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 13.374.795.289 | 11.537.839.113 |

(Xem trang tiếp sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-----------|--------------|-------------------------|-------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (18.000.000.000) | (18.353.878.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (18.000.000.000) | (18.353.878.000) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | | (5.474.001.060) | (8.168.196.539) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 133.330.165.061 | 140.920.449.173 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 1.485.092.403 | 577.912.427 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | (5.1) | 129.341.256.404 | 133.330.165.061 |




Nguyễn Nam Tiên
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017


Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng


Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Ngoài ra, Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 370 người (31/12/2015: 370 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

| Tên công ty con | Địa chỉ | Quyền biểu quyết của công ty mẹ | Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ |
|--|--|---------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) | Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C/168, Samdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia | 100% | 100% |

1.6. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| STT | Tên công ty | Địa chỉ | Quyền biểu quyết của Công ty | Tỷ lệ lợi ích của Công ty |
|-----|---|--|------------------------------|---------------------------|
| 1. | Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung | Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng | 27,89% | 27,89% |
| 2. | Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina | Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh | 25,00% | 9,15% |
| 3. | Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển | Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | 50,00% | 51,00% |
| 4. | Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | 50,00% | 30,00% |

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

| | | | | |
|----|-------------------------------------|---|--------|--------|
| 5. | Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | Số 145-147, Đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh | 33,33% | 45,00% |
| 6. | Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành | Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai | 30% | 30% |
| 7. | Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink | 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh | 40% | 40% |

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank.
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán 22.000 VND/USD.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 22.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.2 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | <u>Năm 2016</u> |
|----------------------------------|------------------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 11 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

4.7 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư các pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản phải trả cho chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.9 Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.14 Chi phí tài chính

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----|
| ▪ Cước vận tải quốc tế | 0% |
| ▪ Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Tại ngày 31/12/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 6.657.444.777 | 6.377.576.689 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 61.549.288.952 | 54.818.844.820 |
| Các khoản tương đương tiền | 61.134.522.675 | 72.133.743.552 |
| Cộng | <u>129.341.256.404</u> | <u>133.330.165.061</u> |

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Phải thu của khách hàng

| | Tại ngày 31/12/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Công nợ các đại lý nước ngoài | 27.467.209.067 | 29.120.779.993 |
| Công nợ Khối Đường biển | 2.400.713.754 | 2.782.054.201 |
| Công nợ Khối Hàng không | 7.146.655.772 | 4.796.161.506 |
| Công nợ Khối Logistics | 6.343.854.741 | 6.025.226.516 |
| Công nợ Khối Sale & Marketing | 13.648.504.420 | 11.221.908.533 |
| Công nợ của chi nhánh Hà Nội | 52.680.807.319 | 50.190.407.051 |
| <i>Cước</i> | 29.547.523.280 | 29.012.955.383 |
| <i>Dịch vụ</i> | 16.753.745.533 | 16.972.207.343 |
| <i>Thu trả hộ</i> | 6.379.538.506 | 4.205.026.694 |
| <i>Thu tạm ứng khách hàng</i> | - | 217.631 |
| Công nợ của chi nhánh Hải Phòng | 657.174.351 | 352.670.530 |
| Công ty con | 2.009.728.610 | 2.669.869.393 |
| Các khoản khác | 3.601.274.893 | 4.376.543.886 |
| Cộng | <u>115.955.922.927</u> | <u>111.535.621.609</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.3. Trả trước cho người bán dài hạn**

Khoản trả trước cho người bán dài hạn là 2 khoản ứng trước như sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.352.207 đồng.

5.4. Phải thu khác

| | Tại ngày 31/12/2016 | | Tại ngày 01/01/2016 | |
|--|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Tạm ứng cho nhân viên làm hàng | 2.145.233.587 | - | 2.794.145.268 | - |
| Phải thu khác | 1.073.376.894 | - | 4.284.566.847 | - |
| Cộng | <u>3.218.610.481</u> | <u>-</u> | <u>7.078.712.115</u> | <u>-</u> |
| Dài hạn: | | | | |
| Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai (*) | 7.579.870.277 | - | 7.558.347.027 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 1.080.863.682 | - | 918.986.000 | - |
| Cộng | <u>8.660.733.959</u> | <u>-</u> | <u>8.477.333.027</u> | <u>-</u> |

(*) Khoản phải thu dài hạn khác là khoản tạm ứng mua đất ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do một số thành viên quản lý chủ chốt thay mặt Công ty đứng tên pháp lý - Xem thêm mục 8.

5.5. Nợ xấu

| | Tại ngày 31/12/2016 | | Tại ngày 01/01/2016 | |
|--|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 4.608.468.176 | 2.493.044.492 | 4.608.468.176 | 2.493.044.492 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2016 | | Tại ngày 01/01/2016 | |
|--------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Dư nợ từ 6 tháng - 1 năm | 1.714.737.558 | 1.200.316.291 | 1.714.737.558 | 1.200.316.291 |
| Dư nợ từ 1 - 2 năm | 2.125.355.082 | 1.062.215.541 | 2.125.355.082 | 1.062.215.541 |
| Dư nợ từ 2 - 3 năm | 768.375.536 | 230.512.660 | 768.375.536 | 230.512.660 |
| Cộng | 4.608.468.176 | 2.493.044.492 | 4.608.468.176 | 2.493.044.492 |

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|----------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 8.052.973.806 | 1.668.890.673 | 24.052.208.384 | 1.643.868.951 | 35.417.941.814 |
| Mua trong năm | - | - | 4.620.369.089 | - | 4.620.369.089 |
| Tăng (do ảnh hưởng tỷ giá) | - | - | 4.625.000 | 12.036.922 | 16.661.922 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 8.052.973.806 | 1.668.890.673 | 28.677.202.473 | 1.655.905.873 | 40.054.972.825 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 7.285.370.424 | 1.267.661.996 | 15.198.116.480 | 1.185.840.706 | 24.936.989.606 |
| Khấu hao trong năm | 102.458.070 | 137.564.100 | 2.753.372.777 | 199.303.746 | 3.192.698.693 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 7.387.828.494 | 1.405.226.096 | 17.951.489.257 | 1.385.144.452 | 28.129.688.299 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 767.603.382 | 401.228.677 | 8.854.091.904 | 458.028.245 | 10.480.952.208 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 665.145.312 | 263.664.577 | 10.725.713.216 | 270.761.421 | 11.925.284.526 |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.850.027.050 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2016 VND | | | Tại ngày 01/01/2016 VND | | |
|--|----------------------------|-----------------------|---|----------------------------|-----------------------|---|
| | Giá gốc | Tăng/giảm trong năm | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá gốc | Tăng/giảm trong năm | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
| Đầu tư vào công ty liên doanh: | | | | | | |
| Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan) | 4.908.430.302 | 5.124.625.617 | 10.033.055.919 | 4.908.430.302 | 4.720.062.032 | 9.628.492.334 |
| Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | 1.927.800.000 | 5.725.058.872 | 7.652.858.872 | 1.927.800.000 | 6.220.770.993 | 8.148.570.993 |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | 2.130.300.000 | 2.275.339.818 | 4.405.639.818 | 2.130.300.000 | 2.728.033.342 | 4.858.333.342 |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators) | 3.680.051.500 | 2.556.819.733 | 6.236.871.233 | 3.680.051.500 | 4.564.235.259 | 8.244.286.759 |
| Cộng | 12.646.581.802 | 15.681.844.040 | 28.328.425.842 | 12.646.581.802 | 18.233.101.626 | 30.879.683.428 |
| Đầu tư vào công ty liên kết: | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) | 4.392.000.000 | 3.285.932.320 | 7.677.932.320 | 4.392.000.000 | 3.670.199.974 | 8.062.199.974 |
| Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành | 18.220.589.000 | 275.158.222 | 18.495.747.222 | 18.220.589.000 | - | 18.220.589.000 |
| Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink | 2.000.000.000 | 78.284.047 | 2.078.284.047 | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 |
| Cộng | 24.612.589.000 | 3.639.374.589 | 28.251.963.589 | 24.612.589.000 | 3.670.199.974 | 28.282.788.974 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
 Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016
 VND

Tại ngày 01/01/2016
 VND

| | Tỷ lệ góp vốn | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Tỷ lệ góp vốn | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
|-------------------------------------|---------------|--------------------|----------|----------------|---------------|--------------------|----------|----------------|
| Đầu tư vào đơn vị khác: | | | | | | | | |
| Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans | 9,81% | 726.150.000 | - | - | 9,81% | 726.150.000 | - | - |
| Cộng | 9,81% | 726.150.000 | - | - | 9,81% | 726.150.000 | - | - |

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem trang tiếp sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Phải trả người bán**

| | Tại ngày 31/12/2016 VND | | Tại ngày 01/01/2016 VND | |
|-----------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Văn phòng Hồ Chí Minh | 23.002.974.775 | 23.002.974.775 | 19.476.821.569 | 19.476.821.569 |
| Chi nhánh Hà nội | 24.455.259.506 | 24.455.259.506 | 22.762.564.535 | 22.762.564.535 |
| Chi nhánh Hải Phòng | 628.131.447 | 628.131.447 | 1.078.183.398 | 1.078.183.398 |
| Công ty con | 239.970.326 | 239.970.326 | 1.013.017.412 | 1.013.017.412 |
| Cộng | 48.326.336.054 | 48.326.336.054 | 44.330.586.914 | 44.330.586.914 |

5.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 01/01/2016 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Tại ngày 31/12/2016 VND |
|-------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Phải nộp: | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 4.476.506.764 | 7.036.372.373 | (10.781.628.170) | 731.250.967 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 4.440.113.156 | 4.913.944.204 | (7.801.445.632) | 1.552.611.728 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 150.826.592 | 3.202.988.294 | (2.896.587.983) | 457.226.903 |
| Tiền thuế đất và thuế đất | - | 6.894.149.652 | (6.894.149.652) | - |
| Các loại thuế khác | 1.708.590.621 | 3.440.878.962 | (4.961.946.660) | 187.522.924 |
| Cộng | 10.776.037.133 | 25.488.333.485 | (33.335.758.096) | 2.928.612.522 |

5.10. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

5.11. Chi phí phải trả

| | Tại ngày 31/12/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Chi phí hoa hồng | 1.657.768.519 | 1.425.691.527 |
| Cước vận chuyển, phí làm hàng | 2.400.006.835 | 2.882.107.039 |
| Cộng | 4.057.775.354 | 4.307.798.566 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12. Phải trả khác

| | Tại ngày 31/12/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Hoa hồng phải trả đại lý | 5.107.204.047 | 3.423.255.071 |
| Thuế TNCN 10% hoa hồng bán hàng | - | 475.410.670 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 334.746.725 | 287.714.659 |
| Cộng | <u>5.441.950.772</u> | <u>4.186.380.400</u> |
| Dài hạn: | | |
| Tạm ứng tiền đền bù di dời (*) | 32.800.000.000 | 32.800.000.000 |
| Nhận tiền ứng chuyển nhượng QSD đất Nhơn Trạch | 6.100.000.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 328.367.000 | 146.867.000 |
| Cộng | <u>39.228.367.000</u> | <u>32.946.867.000</u> |

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 11.

5.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số dư đầu năm | 3.418.441.427 | 1.638.341.427 |
| Trích lập trong năm | 4.115.000.000 | 3.370.000.000 |
| Sử dụng trong năm | (2.121.359.073) | (1.589.900.000) |
| Số dư cuối năm | <u>5.412.082.354</u> | <u>3.418.441.427</u> |

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 11.

(Xem trang tiếp sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.15. Vốn chủ sở hữu****5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | | | | | | |
|------------------------------------|------------------------------------|----------------------|-------------------------|--------------|----------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư và phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
| | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng |
| Tại ngày 01/01/2015 | 90.000 | 4.955 | 6.000 | - | 8 | - | - | 348 | 72.980 | 174.291 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | 36.636 | 36.636 |
| Tăng khác | - | - | - | - | 36 | - | - | 47 | 357 | 440 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | - | (18.000) | (18.000) |
| Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | 1.000 | - | - | - | - | - | (1.000) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | - | (3.370) | (3.370) |
| Tại ngày 01/01/2016 | 90.000 | 4.955 | 7.000 | - | 44 | - | - | 395 | 87.603 | 189.997 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | 23.313 | 23.313 |
| Tăng khác | - | 105 | - | - | 18 | - | - | 46 | (783) | (614) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | - | (18.000) | (18.000) |
| Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | 1.000 | - | - | - | - | - | (1.000) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | - | (4.115) | (4.115) |
| Tại ngày 31/12/2016 | 90.000 | 5.060 | 8.000 | - | 62 | - | - | 441 | 87.018 | 190.581 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.15.2. Cổ phiếu**

| | <u>Tại ngày 31/12/2016</u> | <u>Tại ngày 01/01/2016</u> |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng: | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 9.000.000 | 9.000.000 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u> | <u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u> |
|---|--|--|
| Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ | 23.313.783.738 | 36.635.532.307 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | (4.115.000.000) |
| Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | <u>23.313.783.738</u> | <u>32.520.532.307</u> |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (DEPS) | <u>2.590</u> | <u>3.613</u> |

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng,
phúc lợi ước tính sẽ trích năm 2016.**5.15.4. Phân phối lợi nhuận**

| | <u>Năm 2016 VND</u> | <u>Năm 2015 VND</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm | 87.603.042.459 | 72.980.608.123 |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | 23.313.783.738 | 36.635.532.307 |
| Chia cổ tức | (18.000.000.000) | (18.000.000.000) |
| Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi | (4.115.000.000) | (3.370.000.000) |
| Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | (1.000.000.000) | (1.000.000.000) |
| Khác | (783.929.330) | 356.902.029 |
| Cộng | <u>87.017.896.867</u> | <u>87.603.042.459</u> |

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

| | <u>Tại ngày 31/12/2016</u> | <u>Tại ngày 01/01/2016</u> |
|--------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 2.214.789,59 | 1.792.282,00 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu: | | |
| Dịch vụ hàng không | 153.734.172.252 | 157.745.347.425 |
| Dịch vụ đường biển | 81.567.282.766 | 85.573.746.150 |
| Dịch vụ logistics | 118.722.644.652 | 96.159.055.494 |
| Chi nhánh Hà Nội | 287.647.350.825 | 345.698.465.098 |
| Chi nhánh Hải Phòng | 51.068.491.944 | 51.850.860.892 |
| Công ty con | 16.049.236.973 | 10.240.511.043 |
| Cộng | <u>708.789.179.412</u> | <u>747.267.986.102</u> |
| Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 8 | 1.331.598.502 | 1.612.750.503 |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn phòng hàng không | 145.983.015.826 | 150.311.867.257 |
| Giá vốn phòng đường biển | 73.613.521.139 | 76.067.343.849 |
| Giá vốn phòng logistics | 112.981.908.353 | 88.783.863.302 |
| Giá vốn chi nhánh Hà Nội | 286.010.492.980 | 340.421.219.947 |
| Giá vốn chi nhánh Hải Phòng | 51.295.604.935 | 51.404.051.568 |
| Giá vốn Công ty con | 7.941.649.070 | 5.675.347.707 |
| Cộng | <u>677.826.192.303</u> | <u>712.663.693.630</u> |

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 3.365.522.402 | 4.696.662.217 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 3.650.110.204 | 9.355.560.255 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.048.503.019 | 1.219.088.936 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 74.900.000 | 1.357.400.000 |
| Cộng | <u>9.139.035.625</u> | <u>16.628.711.408</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

6.5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi ghi nhận từ kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh liên kết | 8.427.138.225 | 15.775.888.121 |
| Lãi từ bán phần vốn góp vào Công ty liên kết | - | 116.348.218 |
| Cộng | <u>8.427.138.225</u> | <u>15.892.236.339</u> |

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 7.982.228.511 | 6.935.265.615 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.371.551.577 | 4.761.598.952 |
| <i>Tiền điện</i> | 1.133.828.735 | 1.510.816.641 |
| <i>Cước điện thoại</i> | 263.575.939 | 352.834.710 |
| <i>Công tác phí</i> | 367.198.545 | 451.633.752 |
| <i>Khác</i> | 2.606.948.357 | 2.446.313.849 |
| Các khoản chi phí QLDN khác | 2.505.157.910 | 2.732.884.677 |
| Cộng | <u>14.858.937.998</u> | <u>14.429.749.244</u> |

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 4.961.335.156 | 7.687.268.700 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>4.961.335.156</u> | <u>7.687.268.700</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi tiết thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 28.275.118.894 | 44.322.801.007 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 5.839.833.984 | 8.815.701.225 |
| Cộng thu nhập từ bán Công ty liên kết theo báo cáo riêng | - | 486.023.344 |
| Trừ cổ tức được chia | (74.900.000) | (1.357.400.000) |
| Trừ phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh | (8.427.138.225) | (15.892.236.338) |
| Trừ các khoản điều chỉnh giảm khác | (995.504.101) | (1.431.331.597) |
| Thu nhập từ công ty con phát sinh trong năm | (684.188.300) | (554.319.601) |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính | 23.933.222.252 | 34.389.238.039 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 22% |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh | 4.786.644.450 | 7.565.632.369 |
| Trừ chi phí thuế công ty con đã nộp ở Campuchia | - | - |
| Cộng chi phí thuế TNDN từ công ty con | 174.690.706 | 121.636.331 |
| Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm | <u>4.961.335.156</u> | <u>7.687.268.700</u> |
| 6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
| Chi phí nhân công | 57.070.743.877 | 54.532.486.100 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.184.046.653 | 3.150.273.714 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 488.469.802.378 | 540.019.147.150 |
| Chi phí khác bằng tiền | 143.960.537.393 | 129.391.535.910 |
| Cộng | <u>692.685.130.300</u> | <u>727.093.442.874</u> |

(Xem trang tiếp sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Khác bao gồm: Thành phố Hải Phòng và Vương quốc Campuchia

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

| | <u>Hồ Chí Minh</u> | | <u>Hà Nội</u> | | <u>Khác</u> | | <u>Loai trừ</u> | | <u>Tổng cộng</u> | |
|---|--------------------|----------------|----------------|----------------|---------------|---------------|-----------------|----------------|------------------|----------------|
| | Năm 2016 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2015 |
| Doanh thu hợp nhất | | | | | | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 354.024 | 339.478 | 287.647 | 345.698 | 67.118 | 62.091 | - | - | 708.789 | 747.267 |
| Giữa các bộ phận | 6.341 | 3.424 | - | - | 1.610 | 1.798 | (7.951) | (5.222) | - | - |
| Cộng | 360.365 | 342.902 | 287.647 | 345.698 | 68.727 | 63.889 | (7.951) | (5.222) | 708.789 | 747.267 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | | | | | | | | | | |
| Kết quả của bộ phận | 9.279 | 12.271 | 1.637 | 5.277 | 5.189 | 2.627 | - | - | 16.104 | 20.175 |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | | | | | | | | | 16.104 | 20.175 |
| Thu nhập tài chính | | | | | | | | | 9.139 | 16.629 |
| Chi phí tài chính | | | | | | | | | (5.298) | (8.397) |
| Lợi nhuận khác | | | | | | | | | (97) | 24 |
| Phần lợi ích trong công ty liên doanh liên kết | | | | | | | | | 8.427 | 15.892 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | | | | (4.961) | (7.687) |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | | | | | | | | | 23.314 | 36.636 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

| | <u>Hồ Chí Minh</u> | | <u>Hà Nội</u> | | <u>Khác</u> | | <u>Loai trừ</u> | | <u>Tổng cộng</u> | |
|----------------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|-----------------|
| | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> | <u>Tại ngày</u> |
| | 31/12/2016 | 01/01/2016 | 31/12/2016 | 01/01/2016 | 31/12/2016 | 01/01/2016 | 31/12/2016 | 01/01/2016 | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| Tài sản của bộ phận | 266.913 | 272.597 | 59.738 | 51.981 | 10.652 | 40.714 | (2.871) | (26.419) | 334.433 | 338.873 |
| Tổng tài sản hợp nhất | | | | | | | | | 334.433 | 338.873 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 107.307 | 113.690 | 52.472 | 47.111 | 4.838 | 14.494 | (20.765) | (26.419) | 143.852 | 148.876 |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | | | | | | | | | 143.852 | 148.876 |

| | <u>Hồ Chí Minh</u> | | <u>Hà Nội</u> | | <u>Khác</u> | | <u>Loai trừ</u> | | <u>Tổng cộng</u> | |
|------------------|-------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|-----------------|
| | <u>Năm 2016</u> | <u>Năm 2015</u> | <u>Năm 2016</u> | <u>Năm 2015</u> | <u>Năm 2016</u> | <u>Năm 2015</u> | <u>Năm 2016</u> | <u>Năm 2015</u> | <u>Năm 2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
| | Chi phí mua sắm tài sản | 4.620 | 2.280 | - | 1.844 | - | 218 | - | - | 4.620 |
| Chi phí khấu hao | 1.951 | 1.975 | 570 | 432 | 671 | 766 | - | - | 3.193 | 3.173 |

(Xem trang tiếp sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|----------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) | Công ty liên kết |
| 2. Công ty NHH Điều khiển vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | Công ty liên doanh |
| 3. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan) | Công ty liên doanh |
| 4. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators) | Công ty liên doanh |
| 5. Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | Công ty liên doanh |
| 6. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân viên quản lý chủ chốt |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

| | Tại ngày 31/12/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|------------------------------------|--|--|
| Phải thu khác - Xem thêm mục 5.4 | | |
| Một số thành viên quản lý chủ chốt | 7.579.870.277 | 7.558.347.027 |

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 6.1 | | |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | 664.697.173 | 655.865.767 |
| Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Koneike Vina (Japan) | 367.818.392 | 370.199.112 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) | 245.890.101 | 521.282.679 |
| Công ty NHH Điều khiển vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | 52.622.963 | 65.402.945 |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators) | 569.873 | - |
| Cộng | <u>1.331.598.502</u> | <u>1.612.750.503</u> |
| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
| Sử dụng dịch vụ: | | |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | 978.849.342 | 694.373.551 |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators) | 248.113.271 | 1.310.513.323 |
| Các bên liên quan khác | 186.531.023 | 223.425.034 |
| Cộng | <u>1.413.493.636</u> | <u>2.228.311.908</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

| | <u>Năm 2016</u> <u>VND</u> | <u>Năm 2015</u> <u>VND</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Cho vay | - | 30.000.000.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc: | | |
| | <u>Năm 2016</u> <u>VND</u> | <u>Năm 2015</u> <u>VND</u> |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 509.500.000 | 687.000.000 |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc | 2.347.662.994 | 1.949.844.808 |
| Cộng | <u>2.857.162.994</u> | <u>2.636.844.808</u> |
| 9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT | | |
| | <u>Năm 2016</u> <u>VND</u> | <u>Năm 2015</u> <u>VND</u> |
| Tiền lương và các chi phí hoạt động | 123.000.000 | 168.000.000 |

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty cổ phần Logistic Vinalink có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn chưa di dời hoạt động sang nơi khác theo thỏa thuận ban đầu do dự án chưa được triển khai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán riêng (Trích):

| | Tại ngày 01/01/2016 VND (Được báo cáo lại) | Tại ngày 01/01/2016 VND (Đã được báo cáo trước đây) |
|-----------------------------------|---|--|
| Nợ phải trả người bán ngắn hạn | 44.330.586.914 | 33.896.253.212 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 3.324.309.124 | 13.758.642.826 |

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do khoản công nợ nước ngoài Công ty theo dõi trên tài khoản phải thu khách hàng, nhưng bản chất số dư bên có là khoản phải trả người bán nên được phân loại lại trên báo cáo tài chính cho phù hợp bản chất nghiệp vụ kinh tế.

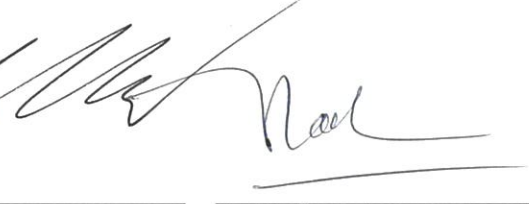
13. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 03 năm 2017.




Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017


Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng


Lê Thị Thanh Thanh
Người lập